

# Nghệ thuật lãnh đạo của QUANG TRUNG HOÀNG ĐẾ ĐOÀN HÒE

Dẫn nhập:

Đương thời (cuối thế kỉ 18 đến đầu thế kỉ 19), các tu sĩ Thiên Chúa giáo hành đạo tại đất Đại Việt không thiện cảm với Tây Sơn không vì Tây Sơn gây khó khăn cho họ, trái lại là khác. Nhưng là do các tu sĩ thời ấy thường có khuynh hướng thân chánh quyền đương chức là các chúa Nguyễn, trong khi Tây Sơn chưa nắm cai trị; đến khi Tây Sơn thực sự nắm chánh quyền thì họ lại về phe với giám mục Bá Đa Lộc, người ra mặt giúp Nguyễn Ánh: họ luôn kêu Tây Sơn là phiến loạn (rebelles), kêu vua Thái Đức / Quang Trung / Cảnh Thịnh là bạo chúa (tyran) hay tiếm vương (usurpateur), còn Nguyễn Ánh được gọi là ông hoàng hay ông vua chính thống (le prince, le roy légitime), quy mọi tội lỗi chiến tranh cho Tây Sơn (1). Như thế, có thể thấy rằng nhận định về quân Tây Sơn và Nguyễn Huệ của các giáo sĩ Tây phương thời đó có thể thiên lệch, cần xem xét lại cẩn thận: vậy hãy so sánh với nhận định về cùng một vấn đề từ nguồn tài liệu khác để có thể phân trắng đen; xem thì cũng tương tự với các sử liệu viết bởi sử gia triều Lê hay triều Nguyễn hoặc Trung Quốc.

Như, trong “Nhật kí về những sự kiện đáng ghi nhớ đã xảy ra trong địa phận Giáo hội Bắc Kỳ về chính trị, dân sự và tôn giáo từ tháng 8/1787 đến tháng 10/1788” ghi : “(vì góa phụ vua Cảnh Hưng làm lỗi, bỏ trốn) Bắc (Bình) Vương cho tịch thu đồ đạc và tài sản của bà công chúa Bắc Kỳ (tức bà Ngọc Hân) và vợ ông bị đánh 20 roi theo lệnh ông, hình như bà này đã oán trách chồng bà vì ngược đãi mẹ bà hay “Ông còn giữ lại hoàng thành tất cả các văn võ đại thần Bắc Kỳ, không cho phép họ ra khỏi thành bất cứ vì nguyên do gì. Người ta chẳng biết số mạng họ rồi đây sẽ ra sao”. Hoặc “Lại có lệnh mới bắt nộp ngay lập tức, cùng một lúc các thứ thuế được trả làm 2 kỳ trước kia, các thứ thuế gạo tháng 3 và tháng 10, tất cả các thuế khác mà chưa

được trả đầy đủ; không ai được than phiền hay bày tỏ ý kiến về việc đó. Các xã trưởng, phú hộ (hào mục) nào không tuân lệnh ngay sẽ bị đánh 100 trượng hoặc sẽ bị xử tử tùy theo họ phạm trọng tội hay khinh tội”. (BBV/NH, tr 189, 190).

Trong khi ở bài “Chiếu của Quang Trung hoàng đế lên ngôi” thì lại thấy viết :  
.... Trẫm nay cùng nhân dân hãy đổi mới, vâng theo mưu chước sáng suốt của các vua trước để cai trị dạy dỗ thiên hạ. “Các xứ địa phương của 13 đạo, vụ mùa đông năm nay được tha thuế má giao dịch 5 phần 10 (50%), còn những ai bị nạn binh lửa điêu tàn hãy phân trần cho quan biết để khám xét rõ ngay thật thì được tha thuế má hoàn toàn. \* Các thần dân triều trước theo việc mà bị tội lụy đã bị xử án nặng nề, trừ những tội đại nghịch, bất đạo ra, kì dư đều được khoan hồng xá tội hết. \* Các dân từ thờ các thần nhằm nhí (miếu thơ bậy bạ) đều bị truất bỏ ở tự điển (bỏ sổ ghi việc thờ cúng), những bậc tội trung, con hiếu, vợ nghĩa được các triều trước tặng phong khen thưởng đều được ban ơn đẳng trật. \* Các quan viên văn võ hoặc do chạy theo vua Lê trốn tránh, đều được phép trở về nguyên quán, ai không muốn làm quan thì được tự do làm theo chí nguyện của mình. \* Áo quần của dân gian ở Nam Hà, Bắc Hà đều được cho theo tục lệ, chỉ có áo mào triều đình đều phải tuân theo thể chế mới. Ô hô! Trời giúp hạ dân dựng nên bậc vua bậc thầy, vì những bậc ấy giúp đỡ Thượng đế thương mến định yên bốn phương. Trẫm có được thiên hạ sẽ cùng đi với thiên hạ trên con đường lớn lao, sẽ đưa thiên hạ vào đời thịnh trị. Thần dân các ngươi mỗi người hãy yên vui với chức nghiệp của mình, chớ đạp lên hành vi trái phép thường. Người làm quan phải chấn hưng văn hóa cho đẹp đẽ, kẻ làm dân phải vun bồi tục lệ cho dịu hòa. Chính trị và giáo hóa đều phần khởi thi hành mà bước lên cái thế thuận hòa để vấn hồi cái thời thịnh trị của Ngũ đế Tam vương, để kéo dài vẻ đẹp lành của tông miếu xã tắc đến vô cùng tận. Xem đấy chẳng là vĩ đại hay sao? (Nam Phong tạp chí, số 111/1926, bản dịch phụ trương phần Hán văn). Riêng chuyện Bắc Bình vương đối xử tàn bạo với bà vợ Ngọc Hân thì chỉ những ý thơ Nôm dưới đây, trích trong bài ‘Khóc vua Quang Trung’ của Bắc Cung hoàng hậu than thở khi Quang Trung hoàng đế giá băng, đủ để chứng tỏ khó có thể xảy ra:

.....

Buồn thay nhẽ sương rơi gió lọt!  
Cảnh đìu hiu thánh thót châu sa.  
Tưởng lời di ngữ thiết tha,  
Khóc nào lên tiếng, thức mà cũng mê.  
Buồn thay nhẽ xuân về, hoa ở!  
Mối sầu này ai gỡ cho xong?  
Quyết liều, mong vẹn chữ tòng,  
Trên lương nào ngại, giữa dòng nào e?  
Còn trứng nước thương vì đôi trẻ,  
Chữ thâm tình không nhẽ bỏ đi.  
Vậy nên nấn ná ngày trì,  
Hình dường như ở, hồn thì đã theo.  
Năm canh luống chiêm bao lẫn quất,  
Mơ tưởng còn phảng phất thiên nhan.  
Tiếng say trên gối trước màn,  
Khi mê dường thấy, khi tàn lại không.  
Nhà ngọc vũ tiếng đồng vắng vắng,  
Khúc quân thiều sao vắng âm hao?  
Mơ màng luống những khát khao,  
Ngọc kinh chốn ấy, ngày nào tới nơi?  
Tưởng thôi, lại bồi hồi trong dạ,  
Nguyện đồng sinh sao đã kịp phai?  
Xưa sao sớm hỏi, khuya vời,  
Nặng lời vàng đá, cạn lời tóc tơ?  
Bây giờ bỗng thờ ơ lặng lẽ,  
Tình cô đơn, ai kẻ biết đâu?  
Xưa sao gang tấc gần châu,  
Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh ca?

.....  
(Trích trong VIỆT NAM THI VĂN HỢP TUYỂN, Quyển II, của Dương Quảng Hàm, Nha Học chính Đông Pháp xb, 1943, HN / VN)

Là thiếu sót, trong khi nhận định về con người và hành trạng của Nguyễn Huệ, nếu chẳng kể tới các nhận xét của Nguyễn Gia Kiểng trong Tổ Quốc

Ăn Năn (sic) (tác giả giữ bản quyền, tin tại Paris, 2001 - tr 149, 151, 161). Ông khẳng định rằng "... Quang Trung Nguyễn Huệ, một con người vô cùng hung bạo và hiếu sát". Rồi "Còn về kiến thức binh bị thì nếu sống lại bây giờ, tôi không chắc là ông ấy có được một nửa những kiến thức của một hạ sĩ quan". Hay "Nguyễn Huệ là một con người hung bạo đánh tất cả mọi người, đó là một sự thực" và rồi, từ tr 155 đến 183,

Nguyễn Huệ "lãnh đũ" nào là "tráo trở, rất tàn ác; tàn sát tất cả dân chúng (VN) trong vùng, không hề do dự trước sự chém giết; khả năng nhìn xa trông rộng cũng rất giới hạn; (có) một ý đồ điên dại; cũng nên tương đối hóa tài dùng binh của Nguyễn Huệ (quân Tây Sơn) tiêu diệt chúa Nguyễn không cần đánh một trận đáng kể nào, đã thắng dễ dàng, những chiến thắng như vậy không đòi hỏi một tài dùng binh nào; tài dùng binh của Nguyễn Huệ chưa được chứng minh ở tầm cỡ của các danh tướng thời Trần Hưng Đạo hay Lê Lợi; quân Tây Sơn không mạnh mà cũng không tổ chức giỏi; (anh em Tây Sơn) phá tan và chấm dứt hơn 2 thế kỉ tiếp xúc và giao thương đầy hứa hẹn với thế giới bên ngoài, nhất là Phương Tây; (quân Tây Sơn) đi đến đâu cướp phá và đem chết chóc đến đó; ngang ngược không thêm mượn một danh nghĩa nào cả; (quân Tây Sơn) chỉ có 600 người, mâu thuẫn với tầm vóc '2 chục vạn quân Thanh' mà Ông (Trần Trọng Kim) gán cho trận Đống Đa; thực ra Nguyễn Huệ chẳng quan tâm gì đến thể diện quốc gia..., chưa có vua VN nào hạ mình đến thế; (Trần Trọng Kim) ca tụng Nguyễn Huệ chỉ là một cách để chống nhà Nguyễn; hình ảnh 'áo vải cò đào' (cò đào thì có nhưng áo vải thì không) cũng rất thuận lợi cho cuộc 'cách mạng vô sản'; Nguyễn Huệ cũng tiêu biểu cho những giá trị nền tảng của đảng cộng sản; bạo lực và chiến tranh; cả Nguyễn Huệ lẫn đảng cộng sản đều đã làm khổ dân chúng và làm đất nước suy kiệt, sự chính đáng của cả 2 chỉ dựa trên những chiến thắng quân sự", rồi ông Kiểng đưa ra các kết luận rằng "Nguyễn Huệ cũng hành động như đảng cộng sản; chừng nào Nguyễn Huệ còn là thần tượng của người VN chừng đó đảng cộng sản vẫn không thể bị phủ nhận dứt khoát, dù có bị thù ghét đến đâu đi nữa; hình ảnh của Nguyễn Huệ đã đóng góp rất nhiều cho thắng lợi của đảng cộng sản và vẫn còn giúp đảng cộng sản duy trì một chỗ đứng nào đó trong lòng người VN; các lãnh tụ lớn của đảng cộng sản... coi (Nguyễn Huệ) gần như một thánh tổ của

đảng”, và sau rốt là “Nguyễn Huệ tiêu biểu cho những giá trị mà chúng ta cần đánh đổ: võ biên, độc đoán, hung bạo, lật lọng...; thần tượng Nguyễn Huệ thiên tài quân sự, anh minh sáng suốt và nhân nhĩa chỉ là một sự xuyên tạc lịch sử có dụng ý; qua Nguyễn Huệ chúng ta đã dung túng một số giá trị độc hại góp phần quan trọng tạo ra số phận bi đát hiện nay của đất nước”. Ông Kiểng còn lưu ý người đọc rằng: Các tài liệu của giáo sĩ, và nhiều nhân chứng Phương Tây có mặt tại VN lúc đó, về anh em Tây Sơn hiện vẫn còn lưu giữ trong nhiều thư viện tại Pháp. Một sử gia VN, ông TCĐT, đã sưu tập một số đáng kể trong cuốn sách ‘LỊCH SỬ NỘI CHIẾN 1771-1802’ của ông. Đây là một cuốn sách nên đọc cho những ai muốn tìm hiểu về nhà Tây Sơn. Dưới nhãn giới của Nguyễn Gia Kiểng, nhân vật lịch sử Nguyễn Huệ bỗng nhiên trở thành tội nhân thiên cổ của đất nước VN, thật là một bản án vô tiền khoáng hậu !!!...

Tìm biết những sử liệu kể dưới về hoài bão của vua Quang Trung là để có các nhận định về con người và hành trạng của nhà vua được chính xác, phản bác lại (ít ra là một số không ít trong) các nhận xét về ngài của Nguyễn Gia Kiểng đã nêu ở trên.

## **HOÀI BẢO CỦA VUA QUANG TRUNG**

(KPVHĐQT, từ tr.222): Thường dân ta chỉ ngưỡng mộ Quang Trung hoàng đế về mặt quân sự, ít người Việt để ý đến ngài có chú tâm việc phát triển đất nước về các mặt khác hay không. Trong phạm vi một bài trên một đặc san, chỉ nêu một số ít các việc đã được thực thi trong hành trạng của người anh hùng xuất thân áo vải cờ đào (riêng tài năng đặc sắc và độc đáo về quân sự của Nguyễn Huệ xin được dành bàn tới vào dịp thuận tiện khác).

Lên ngôi hoàng đế với hoài vọng một triều đình vững mạnh, có hiệu lực, ngõ hầu vực dậy một xã hội phân tán, suy sụp cộng thêm thù trong giặc ngoài không ngừng đe dọa, vua Quang Trung nhìn xa thấy rộng, sớm tìm để sử dụng trí tuệ, năng lực của nhân tài có khả năng kinh bang tế thế về mọi mặt mà xiển dương hoài bão của mình, cũng là phục vụ đất nước. Khả năng lãnh đạo ưu việt của ngài là ở chỗ nhận ra ngay tài năng, đức độ và bản chất của người đối thoại từ sơ kiến; do đó ngài đã mạnh dạn sử dụng người

tài không ngại xuất thân từ đâu, trong đất nước Đại Việt phức tạp và đầy biến động vào hạ bán thế kỉ 18. Thế nên, nhân tài từ Nam chí Bắc đến với nhà vua không ít và nhiệt thành phò tá. Có thể kể bên võ biên, Bùi Thị Xuân, Ngô Văn Sở, Nguyễn Văn Tuyết, Trần Quang Diệu...., những võ tướng tài giỏi ngay từ mới khởi nghĩa đầu quân với Nguyễn Nhạc, đã không trở lại Quy Nhơn, quê hương họ, mà lại tiếp tục theo về Phú Xuân sau thời kỳ Nhạc-Huệ giao chiến (đầu năm 1787). Và, ngay sau khi bước chân vào Bắc Hà, Bắc Bình Vương vờ được nhiều sĩ phu tài đức tại chỗ theo phò, tiếp tục khi đã lên ngôi hoàng đế. Thuật dùng người, lòng kính hiền đãi sĩ tỏ rõ Nguyễn Huệ hoài bão đại chí. Trước tình hình Bắc Hà suy đồi mọi mặt (phong hóa, chính trị, kinh tế...), nhất là ý thức hệ phong kiến hủ lậu cản trở và thù trong giặc ngoài đe dọa mọi phía, vua Quang Trung đã sáng suốt và kịp thời cải cách mạnh mẽ, kiên quyết để cứu vãn tình thế và đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng và bế tắc đã hàng trăm năm. Trong Chiếu lên ngôi ban tại Phú Xuân ngày 22-12-1788, nhà vua nhấn mạnh “nhân nghĩa, trung chính là đạo lớn của con người; trăm nay cùng dân đổi mới” (KPVHĐQT, tr. 222). Muốn đổi mới, phải có chính sách cải cách do người trí thức đầy tâm huyết mà phải có thực tài soạn thảo và thi hành, căn cứ vào thực tế xã hội đương thời. Ngài đã thực thi điều ấy bằng không chút thành kiến – Nguyễn Huệ xuất thân áo vải ít học - mà sáng suốt tập hợp được xung quanh mình nhiều sĩ phu có tài kinh bang tế thế để điều hành việc nội trị và ngoại giao, như Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Thiếp, Phan Huy Ích, Trần Văn Kỷ... Điển hình là sự đối xử với La Sơn phu tử chưa giúp ngài được bao năm.

Trong khi KPVHĐQT, từ tr. 223, tác giả trình bày nhiều sử liệu chứng minh Quang Trung hoàng đế xứng đáng là nhà lãnh đạo nhìn xa trông rộng với quan điểm trọng văn nơi Chiếu lập học: “Dựng nước, lấy việc học làm đầu, trị nước chọn nhân tài làm gốc... Trăm buổi đầu dựng nghiệp, tôn trọng việc học, lưu tâm yêu mến kẻ sĩ, muốn có người thực tài ra giúp đất nước”, và thành khẩn chiêu hiền đãi sĩ ở đoạn chót Chiếu cầu hiền: “Vậ ban chiếu xuống, quan liêu lớn nhỏ và dân chúng trăm học, ai có tài năng học thuật, mưu hay giúp ích cho đời đều được phép dâng thư tỏ bày công việc, lời có thể dùng được thì đặc cách bổ dụng, lời không dùng được thì để đấy, chớ

không ai bắt tội vu khoát. Những người có tài nghệ gì có thể dùng được cho đời, thì cho các quan văn võ được tiến cử, lại cho dẫn đến yết kiến, tùy tài mà bổ dụng. Hoặc có người từ trước đến nay giấu tài ẩn tiếng, không ai biết đều cũng cho phép được dâng thư tự cử, chớ ngại cho thế là ‘đem ngọc bán rao’. Ôi! ‘trời đất bể tắc thì hiền tài ẩn náu’; xưa thì đúng vậy, còn nay trời đất thanh bình, chính lúc người hiền gặp gỡ gió mây. Những ai tài đức, nên đều gắng lên để được rạng rỡ chốn vương đình, một lòng cung kính để cùng hưởng phúc tôn vinh. Bồ cáo gần xa để cùng nghe biết”. Cho nên, tuy xuất thân võ biên ít học mà Nguyễn Huệ khám phá ra mãnh lực của ngọn bút, lời văn trong chiến đấu quân sự, khi ông nói với Ngô Thì Nhậm rằng “Phải phiên ông làm một bài thơ để đuổi giặc; nếu không được thì túi dao bao kiếm là phận sự của kẻ võ thần”, trong những ngày binh lửa ở chiến trường chống quân Tàu tại Thăng Long; và, họ Ngô đã thành công về bang giao Việt-Trung chỉ với các văn bản ngoại giao, khiến Thanh triều phải nể phục, kiêng dè mà hòa hiếu với nhà Nguyễn Tây Sơn, tuy rằng – sau đại bại Đống Đa – ý muốn phục thù vẫn hừng hực trong lòng Càn Long và quan tướng Mãn Thanh.

Kể về thuật dụng nhân của Nguyễn Huệ, các nhà biên khảo sử nước ta như Hoàng Xuân Hãn, Hoa Bằng... coi là ưu việt do nhãn quan nhận biết rất chính xác về tài năng và đức độ của đối tượng ông vờ hợp tác, lại đáng nể phục ở điểm không nể hà, họ đã xuất hay xử dưới triều đại Lê-Trịnh; đối với người tài đức sẵn lòng phục vụ và trung thành thì ông tin dùng ngay mà giao trọng trách và đãi ngộ xứng đáng, đó là những nhân vật như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Trần Văn Kỷ... Với người có thực tài lại có đức độ mà còn nghi ngại thì ông kiên trì, nhẫn nại chiêu mời cho được như trường hợp Nguyễn Đăng Trừng, Nguyễn Thiếp, Trần Công Sán, Trương Quán... ; ngay vị nào nhất định không chịu hợp tác mà không có hành động chống đối thì vẫn tự do sinh hoạt bình thường (trường hợp Trương Quán), ông chỉ bắt đắc dĩ trừ diệt người nào khăng khăng chối từ mà sự hiện diện của họ có hại cho đại cuộc (trường hợp Công Sán) hay thậm chí còn nổi lên chống lại (trường hợp Đăng Trừng) (3). Ngay những kẻ hữu tài nhưng bất khả tín (mà ông cũng đã tiên đoán không sai) nếu cần thiết thì vẫn dùng để được việc, nhưng dứt khoát nghiêm trị khi họ bất trung hay phản bội; Nguyễn Hữu

Chỉnh và Vũ Văn Nhậm là hai trường hợp điển hình. Sau đại thắng quân Thanh (1789), theo gương Nguyễn Thiếp, các danh sĩ Nghệ An cũng ra phò vua Quang Trung: Nguyễn Huy Tụ (người 1. Trường Lưu). Nguyễn Công (con Nguyễn Khả) và Nguyễn Thiện (con Nguyễn Điều của 1. Tiên Điền) thuộc hai danh gia vọng tộc ở Hà Tĩnh; kể đến là hoàng giáp Bùi Dương Lịch, tiến sĩ Phan Tố Định. Một điểm son nữa trong nghệ thuật dùng người của Quang Trung hoàng đế là ngài đối đãi trân trọng, thủy chung với những công thần trung trinh và xét xử họ rất công minh, sáng suốt; trường hợp xảy ra với Phan Huy Ích là dẫn chứng rõ nét. Năm 1790, Phan Huy Ích lập công lớn trong đấu tranh ngoại giao với Thanh triều thì, năm 1791, con cháu của ông ta được liệt hạng con cháu công thần mà cho vào Phú Xuân học chung với Thái tử (Quang Toản). Nhưng năm 1792, Hữu Chấn – em thứ năm của Phan Huy Ích – dấy binh chống Tây Sơn, thất bại và trốn vào rừng; rất lo sợ, từ quê nhà Huy Ích dâng biểu trần tình xin tạ tội. Đang hoang mang thì ông ta nhận được chiếu của vua Quang Trung, có đoạn như sau: “Tính người ta thiện ác có khác nhau, cha còn chẳng vừa lòng được với con, huống chi anh đối với em; việc đã không dính líu đến, thì còn hiềm nghi gì”; sau đó, nhà vua gọi vào Phú Xuân triều kiến. Vua tiếp đãi và phủ dụ, khuyên bảo ân cần; trước thái độ bao dung đó của quân vương, Phan Huy Ích cởi mở tâm bày. Khi ở triều về, ông làm bài thơ ‘Vào chầu xong ghi việc’ như sau: “Gia đình sao sinh biến – Tình cảnh sống không yên – Lý lịch đã có vết – Đức vua vẫn chiếu truyền – Khi đi, lòng sợ hãi – Khi đến, rộng lòng khuyên – Cảm kích đời vẫn mở - Mơ màng khúc nhạc tiên”.

Khởi đầu lập nghiệp, triều chính và việc quản trị địa phương giao cho công thần hầu như toàn võ tướng; dần dần văn thần thay họ trong các chức vụ chủ chốt điều hành chính sự, kể cả chức Binh bộ thượng thư. Để có đủ nhân sự thực hiện “văn trị” cấp thiết, sau khi đuổi xong ngoại xâm (1789) thì triều Tây Sơn tổ chức ngay kỳ thi Hương đầu tiên (1789 / năm Quang Trung thứ 2, trong vài gia phổ, còn thấy chép những người đậu khoa tuần sĩ đời Nguyễn Tây Sơn; khoa tuần sĩ là kho thi hương mở vào mùa Thu, thường trong tháng 8 – LSPT, tr 1056) tại Nghệ An để tuyển hiền tài, do Nguyễn Thiếp làm chánh chủ khảo; Quang Trung lập Sùng Chính viện có nhiệm vụ cải cách, phát triển, quảng bá và phổ cập giáo dục đến với quần chúng. Ngài



chú trọng đến phẩm chất việc đào tạo, trong Chiếu lập học chỉ rõ “Nho sinh, sinh đồ cử đợi đến kỳ thi, vào thi: hạng ưu thì tuyển vào, hạng kém thì bãi học ở trường xã, còn như sinh đồ ba quan (?) nhất thiết bắt về làm dân, cùng dân chịu sưu dịch”; chú mục đến tận thầy giáo trường làng: “... chọn nho sĩ trong xã có học thức, hạnh kiểm đặt làm thầy dạy, giảng tập cho học trò của mình”. Bản thân nhà vua cũng tự biết “bổ túc văn hóa” (4).

Về luật pháp, buổi đầu vua Quang Trung áp dụng chế độ quân chính nghiêm khắc, có hiệu quả tức thời nơi xã hội bất ổn trong loạn ly liên miên; sách Tây Sơn thuật lược nhận xét là “Quang Trung không lập pháp lệnh, điều ước: việc thừa kiện đều do miệng ngài phân xử, có tội thì phần nhiều dùng đòn mà đánh để trừng trị; bày tội trong ngoài đều sợ oai ngài, không dám can tội hối lộ” (5). Năm 1787, giáo sĩ La Mothe cũng viết: “Phải nói trắng ra rằng, tình cảnh không đến nỗi tệ. Dưới triều đại này, chúng tôi được che chở khỏi bị lũ cướp phá phách, và về phần đạo giáo thì chúng tôi được hưởng nhiều tự do hơn và an ninh hơn các triều đại trước”. Nhưng luật pháp quốc gia không thể kéo dài sự tùy tiện và khắc nghiệt như thế mãi; Nguyễn Thiếp thấy sự sai trái đó, khi tuân chiếu vua vờ vào Phú Xuân (1791) bàn quốc sự đã làm bài tấu (1791), trong đó có đề nghị “Nhà nước thì võ uy có thừa mà ân trạch chưa ban ra khắp. Tiếng sầu oán dậy đường sá. . . Dân thường không mền nhớ, lại mền nhớ kẻ có nhân. Lòng người mà quy phụ, tức là bởi mệnh trời. Nay gặp dịp, xin chớ để qua”. (LSPT, tr 1064. 1065). Thật ra vào cuối năm 1788, nhà vua đã thấy trị dân theo luật pháp là cấp thiết; trong “Nhật ký của Giáo hội Bắc kỳ năm 1788” ghi lại nội dung một sắc lệnh của Quang Trung, trong đó có nói rằng “Từ trước đến nay, các vua chúa đều lấy luật pháp để cai trị thần dân và duy trì hòa bình. Nên ta cũng noi gương các vị tiền bối mà đánh dấu ngày khởi đầu triều đại ta bằng cách soạn ra bộ luật để dân chúng sống trên đất đai ta nghiêm ngặt tuân theo”. Lệnh từ 1 đến 2 tháng phải soạn xong bộ luật, do cấp bách có hiệu lực bị hạn chế và hẳn đã được bổ sung hoàn chỉnh dần trong mấy năm sau, vì quả thực có một bộ luật được soạn hoàn chỉnh thời Quang Trung, được một linh mục Việt dịch sang Pháp ngữ năm 1793: giáo sĩ Sérard ở Bồ Chánh (Quảng Bình) viết (6) là “Về việc dịch luật Bắc Hà thì linh mục Văn đã dịch cả tập hay một phần, tôi có đọc được qua quyển sách đó”; tính cách nhân bản trong

việc thực thi luật pháp dưới thời Quang Trung được xác nhận bằng lời kể sau, vào năm 1822, của một người Anh tên Crawford đến nước ta thời Minh Mạng: “Tôi đã gặp những thương nhân người Hoa, đã nói chuyện với họ. Họ đã sống dưới chế độ Tây Sơn và chế độ nhà Nguyễn, họ nói chắc chắn rằng triều Tây Sơn cai trị công bằng và ôn hòa hơn nhà vua hiện nay (Minh Mạng) hay cha nhà vua ấy (Gia Long)”. (7).

Dân Việt rất ngưỡng mộ Quang Trung hoàng đế về mặt quân sự, mà không để ý là ngài có chú tâm việc phát triển đất nước về mặt kinh tế hay không. Thực ra nhà vua chủ trương dân giàu nước mạnh dựa trên sự phục hồi và phát triển nông nghiệp, nghề gốc của dân Đại Việt, mà cũng là nhiệm vụ hàng đầu của các chính quyền thời Đại Việt phong kiến; chủ trương ấy được nói rõ trong Chiếu khuyến nông (8). Ngài còn hoài bão một nền công thương nghiệp phát triển dựa trên tinh thần tự cường. [xem thêm tư tưởng độc lập về văn tự - chữ Nôm - ở ghi chú (4)]: sản xuất nội hóa dồi dào sao cho thỏa mãn nhu cầu của người dân; hoài bão đó được tỏ lộ trong cuộc đàm thoại giữa vị tân hoàng đế và La Sơn phu tử (ngày 29-11-Mậu Thìn) trước khi ngài tiến đánh quân Thanh. Nhà vua hỏi: Nghe thầy học tính lý số, lại hay mưu lược; nay Tôn Sĩ Nghị nó sang, thầy nghĩ chước nào? – Phu tử thưa: Quân quý thần tặc – Vua nói: Phải, phải, tôi nay ra đánh nó chết! Tôi mà dẹp được giặc Tàu xong, thì xin rước thầy ra dạy học. Tôi muốn khí dụng gì cũng chẳng mua của nước Tàu. – Phu tử lại thưa: Chỉ có thuốc Bắc phải dùng của Tàu mà thôi! (theo Lê Thúc Thông trong Nam Phong tạp chí, tr 102, dẫn trong LSPT, tr 1052). Thực tế thì vua Quang Trung chỉ tỏ ý đừng để lệ thuộc ngoại bang về kinh tế, nhà vua chẳng chủ trương không giao thương với Trung Quốc hay các nước khác. Quả vậy, sau chiến thắng quân Thanh (1789) chính ngài chủ động viết cho Phúc Khang An, tổng đốc Lương Quảng hồi ấy, đề nghị “mở cửa ải, thông chợ búa, khiến cho hàng hóa không ngưng đọng để làm lợi cho dân” (Bang Giao Lục trong Ngô Gia Văn Phái); và, thông thương được thiết lập: thương nhân qua lại buôn bán miễn thuế; thương nhân người Hoa sang Đại Việt lập ra các phố Kỳ Lừa, Mực Mã, Hoa Sơn sát biên giới và lập tiệm buôn bán ở các phố ấy.

Năm 1790, Quang Trung lại đề nghị lập nhà hàng ở phú Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, để thương nhân Việt sang buôn bán (Đại Nam Thực Lục,

q.11424, tr 2a). Chính sách mở cửa về ngoại thương đó làm nhiều thuyền buôn Tàu đến buôn bán trực tiếp với Phú Xuân. Nhà vua đã từng mời thương thuyền Tây Phương đến giao thương (9); nhưng đôi khi hoài bão thì chính đáng và lớn lao, mà thực tế khách quan không đáp ứng dự tính của ngài nên hiệu quả không đáng kể (10).

Còn về bang giao đa diện với Trung Quốc, dù lãnh đạo một nước nhỏ hơn đối phương nhiều lần nhưng Quang Trung hoàng đế luôn ngầm xác định cho mình tư thế người chiến thắng qua các văn bản ngoại giao. Chẳng hạn, sự kiện ngài đã đòi được đất miền cực Bắc nước ta gồm 16 châu thuộc miền trấn Hưng Hóa, bị Trung Quốc lấn chiếm thời Lê-Mạc. Nhưng, theo tác giả Đỗ Bang (trong KPVHĐQT, tr 242) thì việc không thành. Số là vào năm 1790, vua nước Nam có thái độ kiên quyết đòi lại 7 châu ở Hưng Hóa (chứ không phải 16 châu, theo sách BBV/NH, tr 161 → 165) bằng chuẩn bị công phu về binh lực và làm áp lực ngoại giao để sau khi phái sứ bộ - do Võ Văn Dũng cầm đầu – sang nhà Thanh (1792) cầu hôn công chúa con vua Càn Long và “xin” trả cho nước ta vùng Lưỡng Quảng, sẽ lấy lại cho bằng được miền đất đã mất trên; nhưng tiếc rằng vua ta vội sớm từ trần, dự án đòi đất đành phải buông xuôi. . . Có thể chứng minh sự đòi đất là dự tính có thật bằng hành động tăng cường binh lực của vua Quang Trung, như: gia tăng quân số, đóng thêm thuyền chiến, liên kết với Thiên Địa hội - tổ chức phản Thanh phục Minh của người Hán, hoạt động bí mật trong nội địa nước Tàu và tị nạn bên nước Nam – đồng thời thu nạp bọn cướp biển Tàu Ô; còn phong tước cho các thủ lĩnh Tàu Ô, cấp binh lương trở về Phương Bắc (đường biển) đánh giá miền duyên hải các tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến, Triết Giang. . .

Không hẳn con người sắt thép đầy trí lực ấy chẳng có tình cảm, thực ra Nguyễn Huệ rất giàu tình cảm; chẳng hạn khi vợ cả ông mất, ông thương tiếc như điên khùng (11); ngày 16-6-1792, giáo sĩ Le Labousse viết thư cho bạn rằng: Cuối cùng tôi được biết rằng một trong những bạn của chúng ta (Girard) ở Nam Hà hiện nay đang ở trong triều đình phiến loạn, ông ta bị bắt phải đến để chữa bệnh cho người vợ của bạo chúa vì ông đã đòi một y sĩ người Âu. Tại triều đình, ông này được đón tiếp rất trọng hậu và hạnh phúc lớn lao nhất có lẽ chính là vợ của Tiếm Vương đã chết trước khi ông có thể

khám bệnh. Ông bạo chúa đã đau khổ đến cùng cực về việc ông Girard không được gọi đến kịp thời. Khi Lê Hiến Tông mất, dù không có ý lập tự tôn (Lê Duy Kỳ) theo ý công chúa Ngọc Hân – lý do giận Duy Kỳ là không mời bàn trước việc tang lễ Hiến Tông, bố vợ Nguyễn Huệ, mà liệm xong mới mời – nhưng về sau công chúa đổi ý van nài thì Nguyễn Huệ chiều lòng vợ để Duy Kỳ đăng quang; bậc anh hùng cũng biết mềm lòng trước nước mắt giai nhân đấy chứ! Tình cảm dành cho kẻ địch như khi Nguyễn Trang nộp đầu Trịnh Khải (cuối tháng 6 / 1786), ông đã than rằng: “Đáng tiếc cho một hảo nam tử, lúc đầu đến sớm đầu hàng thì hẳn không mất phú quý; sao lại khổ tử, hủy mạng!”, rồi lấy lễ bậc vương tống táng. Hoàng Lê Nhất Thống Chí còn kể rằng tướng sĩ dưới quyền Nguyễn Huệ có lần vui cười với câu cợt nhả bất chợt của ông: “Vì dẹp loạn mà ra rồi lấy vợ mà về, trẻ con nó cười thì sao? Tuy vậy, ta chỉ quen gái Nam Hà, chưa biết con gái Bắc Hà, nay cũng thử một chuyến xem có tốt không?” (BBV/NH, tr 76).

Bản chất đam mê, nồng nhiệt của Nguyễn Huệ đổ vào đời chinh chiến sa trường, biến thành sức quyến rũ lôi cuốn mọi người xung quanh tận tụy phục vụ người anh hùng dân tộc xuất thân áo vải.

Trước mắt, kẻ nội thù Nguyễn Ánh mới là đối thủ làm vua Quang Trung luôn canh cánh bên lòng; căn cứ sử triều Nguyễn (từ vua Gia Long trở về sau) thì lực lượng của Nguyễn Ánh đã ám ảnh Nguyễn Huệ cho đến lúc từ trần. Thực vậy, sau khi chiến thắng quân Thanh rồi lại hòa hoãn với Thanh triều và dàn hòa với Nguyễn Nhạc, chỉ là để rảnh tay mở mặt trận vào tận xứ Đồng Nai trong quyết tâm trừ diệt Nguyễn Ánh cho dứt hậu hoạn nguy hiểm nhất (12). Dự định tổng tấn công Nguyễn Ánh không được thực hiện, vì khi lập xong kế hoạch thì chỉ 20 ngày sau ngài băng hà vào 15-9-1792 / Nhâm Tý, (BBV/NH, tr 74), qua một cơn bạo bệnh ngắn.

Hoài bão của Quang Trung hoàng đế không thực hiện được khi ngài không vượt qua nổi cái tuổi 40 và mới chỉ chưa đầy 5 năm cầm quyền, tuy nhiên công nghiệp vực dậy và khởi đầu phát triển Đàng Ngoài, dầu mới chỉ là khởi phát, cũng đủ để hậu thế kính ngưỡng và tâm phục anh hùng Nguyễn Huệ, đồng thời tinh thần nhân bản, tính khoan hòa (13) trong việc trị nước an dân của Quang Trung hoàng đế đã tạm thời được xác minh.

## ĐOÀN HÒE (CVA) gom tài liệu.

GHI CHÚ :

(1) BBV/NH, tr 271.

(2) Trong LSPT ở ghi chú (7), tr 1060.

(3) QT/NH kể sơ lược về một số sĩ phu Bắc Hà đã phục vụ nhà Nguyễn Tây Sơn hay đã từng tiếp xúc với Nguyễn Huệ, Ngô Thì Nhậm người nhà Lê, trước khi theo Nguyễn Huệ thì đã làm việc với chúa Trịnh (Sâm); ông làm vài văn tế “Ngự tế Nam chinh tướng sĩ” để chúa Trịnh tế điều tướng sĩ tử trận (trong số đó có Hoàng Ngũ Phúc) khi vào đánh Nam Hà năm Ất Mùi / 1775 (tr 46). Nguyễn Huệ có con mắt tinh đời thấy tài Thì Nhậm, biết rằng ông có thể đương đầu với thời thế lúc có biến, nên đã dặn dò Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân hãy tin cậy ông ta và nói với tướng tá:

“Phải hội đồng thương nghị với nhau, chớ vì mới cũ mà xa cách nhau, ấy là điều mong ước của ta”. Quả nhiên chính Nhậm là người lập kế rút quân ta về giữ đèo Tam Điệp, khi đại binh Thanh hùng hổ tràn sang Thăng Long (cuối năm 1788), để bảo toàn lực lượng thủy bộ đồng thời khiêu địch và dụ địch, rất hợp ý vua Nam (BBV/NH, tr 88, 90). Trương Quán là con cháu công thần nhà Lê, Tây Sơn muốn thu dụng nhưng ông từ chối hợp tác, Nguyễn Huệ để ông tự do vui thú giang hồ, bạn cùng cỏ hoa mây khói, suốt đời đơn độc (tr 275). Trần Công Sán người làng Yên Vĩ, huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên, đậu tiến sĩ, làm đồng bình chương sự triều Lê; ông cầm đầu sứ bộ Bắc Hà vào Phú Xuân đòi đất Nghệ An cho nhà Lê (1787/Đinh Mùi)... Bắc Bình Vương nổi giận quát: “... có phải tự mưu thẳng Chỉnh không?...”, Công Sán ung dung thưa: “Xin đại vương chớ vội nóng! Để tôi nói cạn một lời, rồi muốn giết tôi, tôi xin chịu chết”. Vương nhớ khi vào yết kiến vua Lê ở Thăng Long, nhà vua cho quần thần theo thứ bậc ra mắt, ông thấy lạ trước cử chỉ tự nhiên và bình thản của Trần Công Sán; Vương hỏi Công Sán tình hình Bắc Hà, hỏi đến đâu Sán tùy liệu đối đáp tới đó, biện luận rào trước đón sau và không chịu khuất chút nào. Vốn trọng ông ta, nay vương đấu dịu mà cùng nhau đối đáp lý sự; trấn tĩnh và khẳng khái, ông ta phản đối lại từng khoản và nhất mực chống cãi, uốn lượn hùng biện không chịu nhún một lời. Đã gần tối, vương bảo: “Vậy thì ông cứ vô quán khách nghỉ ngơi, để ta nghĩ kỹ ba lần, rồi sẽ định liệu”; nín lấy câu ấy, Công Sán liền đáp: “Nghĩ một lần cũng

đã đủ chán, nghĩ đến ba lần e lại lần chẳng? Tôi đây xin liều một chết cho rồi!”. Bắc Bình vương cả giận, nhốt ông ta vào ngục. Vốn quý người trung trực, dưng cảm nên vương vẫn muốn thu dùng mà cho người dò xét động tĩnh; tỏ lòng son sắt, chí khảng khái làm tiêu biểu cho sĩ phu Bắc Hà, ông đề lên vách nhà giam đôi câu đối chữ Hán, diễn nôm thành: “Ba đức được tôn, dẫu chưa hay, xin thử học! – Một lòng không đổi, cứ để mặc, dám trách ai?”. Hãy còn tiếc tài, vương cho trung thư Trần Văn Kỷ, lễ bộ Vũ Văn Trụ vào thuyết Trần Công Sán; nhưng không đỗ nổi. Để tránh hậu hoạn từ việc đòi đất không xong này mà Bắc Bình vương để đò đốc Vũ Văn Nguyệt ngầm làm chết đuối cả sứ bộ trên đường hải hành về Bắc (tr 110 → tr 116).

Nguyễn Huệ cũng không kỳ thị sĩ phu Nam Hà. Năm Giáp Ngọ (1774), tham tán Nguyễn Đăng Trường bên chúa Nguyễn chạy theo Duệ Tông không kịp, dắt mẹ vào lánh tại thành Quy Nhơn; Nguyễn Huệ bắt, yêu tài lấy lễ tân sư (vừa là khách, vừa là thầy) đối đãi nhưng ông ta từ tạ xin đi; Huệ bảo: “Tiên sinh đi chuyến này, phỏng xoay lại trời đất được không? Sau có ăn năn muộn quách rồi!”, Trường nói: “Tài trai ở đời, lấy trung hiếu làm đầu; tôi nay dắt mẹ tìm chúa, đối với đại nghĩa rất quang minh; còn cùng hay thông, được hay hỏng, là số mệnh chứ còn ăn năn gì?”; Huệ khen là khảng khái cho đi.

Đến 1777 / Đinh Dậu, Nguyễn Huệ lại bắt được Đăng Trường, hỏi: “Lần này tiên sinh tính sao?”, ông ta đáp: “Bây giờ chỉ có chết thôi, can chi phải hỏi nữa?”; dụ hàng không xong, Huệ bắt đắc dĩ phải giết Trường (tr 273).

Nguyễn Huyền (Việt Nam Danh nhân Từ điển, Cơ sở Xuất bản Zieleks xb 1990, TX, USA) – tr 485 & 486) kể rằng Trần Văn / Chánh Kỷ là danh sĩ kiệt hiệt triều Nguyễn Tây Sơn, làm tham mưu cho vua Quang Trung; ông quán làng Văn Trinh, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên, nổi tiếng hay chữ, đậu giải Nguyên Hương thí khóa Đinh Dậu / 1777. Khi Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân, chiếm Thuận Hóa rồi và nghe tiếng Văn Kỷ thì mời ông tới hỏi lễ trị loạn mà họ Nguyễn rất vừa ý; từ đó Huệ rất tin dùng Kỷ, phong chức Trung thư lệnh, bàn với Kỷ mọi việc, ít khi rời xa. Việc giao thiệp với các nhân sĩ trong nước phần lớn đều có ý kiến của Trần Văn Kỷ; chính Văn Kỷ tiến cử Ngô Thì Nhậm và tâu bày mời Nguyễn Thiếp. Bài thơ chữ Hán (Ngã ký sinh tiền, nhĩ hậu sinh – Nhĩ ưng vi đệ, ngã vi huynh – Lý ưng cộng hưởng trân cam vị - Hà nhĩn tương vong cốt nhục tình?) của họ Trần (mà

LAM GIANG dịch nôm thành: Ta đã ra đời, chú mới sanh – Chú phần em út, ta làm anh – Lễ nên cùng hưởng mùi ngon ngọt – Xáo thịt nời da nỡ đoạn đành?) đã giúp Nguyễn Huệ rút quân, ngưng đánh thành Quy Nhơn và dàn hòa với Nguyễn Nhạc.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

\* Hữu Ngọc, Nguyễn Đức Hiền (1998): La Sơn, Yên Hồ, HOÀNG XUÂN HÃN. Tập 2: Trước tác (Phần II: LỊCH SỬ), mục LA SƠN PHU TỨ (LSPT), Nxb Giáo Dục, VN.

\* Một nhóm Học Giả (1992): MỘT VÀI SỬ LIỆU VỀ BẮC BÌNH VƯƠNG NGUYỄN HUỆ (BBV/NH), Đại Nam in lại, CA, USA.

\* Đỗ Bang biên soạn: NHỮNG KHÁM PHÁ VỀ HOÀNG ĐẾ QUANG TRUNG (KPVHĐQT), Nxb Thuận Hóa tái bản lần 2, 1998, Huế, VN.

\* Hoa Bằng (1943): QUANG TRUNG NGUYỄN HUỆ, ANH HÙNG DÂN TỘC 1788-1792 (QT/NH), tác giả giữ bản quyền, Nxb Bốn Phương, tái bản lần 2, Thư Lâm ấn thư quán ấn loát tháng 3/1958, SG.VN – Đại Nam in lại, CA, USA